

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRĂNG THI**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước thành lập theo Quyết định số 2884/QĐ-UB ngày 17/11/1992 và Quyết định số 1787/QĐ-UB ngày 29/4/1993 của UBND thành phố Hà Nội và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106000690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/5/1993. Theo Quyết định số 5333/QĐ-UBND của UBND TP HN về việc chuyển thành Công ty CP, Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 30/10/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30/10/2015 với mã số doanh nghiệp 0100107437.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107437 thay đổi lần thứ 13 ngày 07/05/2021 là: 540.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm bốn mươi tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn Upcom với mã T12.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Vinh Quang	Chủ tịch
Ông Vũ Trọng Tuấn	Thành viên
Ông Đoàn Mạnh Cường	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Trần Tiến Đức	Trưởng ban
Ông Đặng Hoài Anh	Thành viên
Bà Trần Thị Minh Phương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 03/02/2021)
Bà Trần Thị Hải	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 03/02/2021)

Ban Giám đốc

Ông Vũ Trọng Tuấn	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Phó Giám đốc
Ông Chử Đức Toàn	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Quỳnh	Kế toán trưởng
------------------	----------------

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Văn phòng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại ngày 30/6/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Văn phòng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Văn phòng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Trọng Tuấn

Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2021

Số: 198 /2021/BCSX-CPA VIETNAM- NV1

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
 Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
 Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Tràng Thi

Chúng tôi thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Tràng Thi được lập ngày 25/8/2021, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại ngày 30/6/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Vũ Ngọc Ân
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT***Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2021*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.438.685.825.073	1.757.914.768.727
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	13.292.477.434	1.775.354.322
1. Tiền	111		13.292.477.434	1.775.354.322
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	147.500.000.000	16.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		7.700.000.000	7.700.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		139.800.000.000	8.800.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.277.068.307.728	1.739.049.409.758
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	495.131.440.934	1.127.445.861.231
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	8.574.099.200	470.158.975
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		5.232.820.574	4.397.981.630
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	768.129.947.020	606.735.407.922
IV. Hàng tồn kho	140		23.409.091	23.409.091
1. Hàng tồn kho	141	5.6	23.409.091	23.409.091
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		801.630.820	566.595.556
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	44.346.555	63.167.549
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		253.856.258	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	503.428.007	503.428.007
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		135.554.072.126	138.270.706.385
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		21.467.436.582	21.657.464.834
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	5.4	90.000.000	90.000.000
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		21.277.436.582	21.467.464.834
3. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	100.000.000	100.000.000
II. Tài sản cố định	220		48.954.480.624	50.255.311.327
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	34.665.904.018	35.801.420.147
- Nguyên giá	222		73.738.555.072	73.512.158.544
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.072.651.054)	(37.710.738.397)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	14.288.576.606	14.453.891.180
- Nguyên giá	228		16.448.343.936	16.448.343.936
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.159.767.330)	(1.994.452.756)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		12.679.266.979	12.314.358.093
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	12.679.266.979	12.314.358.093
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		20.967.427.338	20.967.427.338
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.2	20.967.427.338	20.967.427.338
VI. Tài sản dài hạn khác	260		31.485.460.603	33.076.144.793
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	31.485.460.603	33.076.144.793
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.574.239.897.199	1.896.185.475.112

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

	MS	TM	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		195.324.278.050	1.745.057.126.285
I. Nợ ngắn hạn	310		186.495.074.263	1.736.184.316.438
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	172.882.520.232	1.724.890.421.776
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		282.333.032	282.333.032
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	7.509.530.777	4.057.727.853
4. Phải trả người lao động	314		322.370.830	725.789.295
5. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		2.222.918.526	2.418.015.920
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.14	150.678.788	641.326.059
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	2.862.161.000	2.859.681.425
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		262.561.078	309.021.078
II. Nợ dài hạn	330		8.829.203.787	8.872.809.847
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.14	2.771.043.787	2.831.649.847
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.13	6.058.160.000	6.041.160.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.378.915.619.149	151.128.348.827
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.15	1.378.915.619.149	151.128.348.827
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		540.000.000.000	135.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>540.000.000.000</i>	<i>135.000.000.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		817.538.642.748	7.538.642.748
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.579.693.959	1.579.693.959
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.797.282.442	7.010.012.120
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>7.010.012.120</i>	<i>4.756.832.702</i>
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>12.787.270.322</i>	<i>2.253.179.418</i>
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.574.239.897.199	1.896.185.475.112
(440 = 300+400)				

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu



Lê Thiên Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Quỳnh

Giám đốc



Vũ Trọng Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	567.692.109.438	995.432.972.234
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	461.081.818	39.454.545
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		567.231.027.620	995.393.517.689
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	566.973.455.167	996.135.281.293
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		257.572.453	(741.763.604)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	24.162.342.000	1.153.124.424
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	3.880.069.687	3.130.690.482
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	10.310.954.267	6.904.808.057
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		10.228.890.499	(9.624.137.719)
11. Thu nhập khác	31		20.000.000	159.184.893
12. Chi phí khác	32		224.000.000	251.028.341
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(204.000.000)	(91.843.448)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		10.024.890.499	(9.715.981.167)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	2.040.978.100	38.909.668
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		7.983.912.399	(9.754.890.835)

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu

Lê Thiên Hương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Quỳnh

Giám đốc



Vũ Trọng Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
			VND	VND
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.024.890.499	(9.715.981.167)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		1.527.227.231	1.809.804.770
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(24.162.342.000)	(1.153.124.424)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(12.610.224.270)	(9.059.300.821)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		461.917.274.024	(886.931.939.852)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.537.233.493.141)	895.428.837.190
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.609.505.184	1.049.493.983
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(494.377.271)	(1.723.559.482)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(46.460.000)	(47.850.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.086.857.775.474)	(1.284.318.982)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(591.305.414)	(2.133.965.036)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(133.000.000.000)	(6.800.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.000.000.000	7.800.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.966.204.000	727.244.424
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(116.625.101.414)	(406.720.612)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		1.215.000.000.000	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(810.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.215.000.000.000	(810.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		11.517.123.112	(2.501.039.594)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	1.775.354.322	9.108.231.045
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	13.292.477.434	6.607.191.451

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu

Kê toán trưởng

Giám đốc

Lê Thiên Hương

Nguyễn Thu Quỳnh

Vũ Trọng Tuấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước thành lập theo Quyết định số 2884/QĐ-UB ngày 17/11/1992 và Quyết định số 1787/QĐ-UB ngày 29/4/1993 của UBND thành phố Hà Nội và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106000690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/5/1993. Theo Quyết định số 5333/QĐ-UBND ngày 15/10/2015 của UBND TP HN về việc chuyển thành Công ty CP, Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30/10/2015 với mã số doanh nghiệp 0100107437.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107437 thay đổi lần thứ 13 ngày 07/05/2021 là: 540.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm bốn mươi tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn Upcom với mã T12.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lao động của Văn phòng Công ty tại 30/06/2021 là 30 người (Tại 01/01/2021 là 31 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Kinh doanh bán buôn, bán lẻ các hàng hóa tiêu dùng, tư liệu sản xuất, vật tư, hóa chất, thiết bị, phương tiện phục vụ mọi nhu cầu của thị trường;
- Làm đại lý cho các thành phần kinh tế trong và ngoài nước;
- Tổ chức sản xuất, gia công, dịch vụ sửa chữa các đồ dùng điện tử, điện lạnh, phương tiện, đồ điện;
- Tổ chức các dịch vụ kinh doanh khách sạn, cho thuê văn phòng đại diện và các dịch vụ du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Liên doanh liên kết với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước để mở rộng các hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, sản xuất, dịch vụ của Doanh nghiệp;
- Xuất khẩu: hàng thủ công mỹ nghệ (sành sứ, mây tre đan, đồ gỗ), hàng may mặc, hàng công nghiệp nhẹ, hàng nông sản, thủy sản, các loại hóa chất Công nghiệp, hóa chất thực phẩm, thực phẩm tươi sống, thực phẩm công nghiệp, rượu sản xuất trong nước;
- Nhập khẩu: vật tư, nguyên liệu, hóa chất và thiết bị kỹ thuật phục vụ sản xuất, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng (xe đạp, xe máy, phụ tùng xe đạp, phụ tùng xe máy), hàng điện tử, dân dụng, hàng điện lạnh, vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội thất, hàng thiết bị công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản; Mua bán, cho thuê nhà;
- Sản xuất, chế biến và kinh doanh hàng ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Nhập khẩu trang thiết bị y tế; Xuất khẩu sản phẩm công nghiệp, khoáng sản;
- Kinh doanh bán buôn, bán lẻ xăng dầu, gas, khí đốt; Vận chuyển khách phục vụ thăm quan, du lịch;
- Kinh doanh vàng, bạc, đá quý, đại lý thu đổi ngoại tệ; In lưới thủ công, may, thêu; Kinh doanh hoạt động luyện tập thể dục thể thao (câu lạc bộ); Trồng giữ ô tô, xe máy, xe đạp./.

Hoạt động chính trong kỳ của Văn phòng Công ty: Cho thuê nhà, hợp tác kinh doanh, bán nông sản và làm dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Văn phòng Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2021, Công ty có đơn vị phụ thuộc như sau:

1. Trung tâm Thương mại Dịch vụ 10B Tràng Thi;
2. Trung tâm Kinh doanh Bán buôn;
3. Trung tâm Kinh doanh Cát Linh;
4. Trung tâm Kinh doanh Tràng Thi;
5. Trung tâm Kinh doanh 24 Thuốc Bắc;
6. Trung tâm Kinh doanh Đông Anh;
7. Xí nghiệp Sửa chữa Cơ - Điện - Lạnh;
8. Trung tâm Kinh doanh Thanh Trì.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Văn phòng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Văn phòng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Văn phòng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng được ghi nhận theo thực tế thu, chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Văn phòng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Văn phòng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Văn phòng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Văn phòng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Văn phòng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Văn phòng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Văn phòng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, Công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước, phương pháp giá bán lẻ.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Văn phòng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Văn phòng Công ty là quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Văn phòng Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Văn phòng Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (không quá 50 năm).

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong trường hợp hợp nhất kinh doanh không dẫn đến quan hệ công ty mẹ - công ty con được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Văn phòng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Văn phòng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Văn phòng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước là: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Định kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian cho thuê tài sản.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Văn phòng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

- **Chiết khấu thương mại:** là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- **Giảm giá hàng bán:** là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn bán hàng.
- **Hàng bán bị trả lại:** do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lãi hoặc lỗ của một kỳ.

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:** là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập của Văn phòng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Văn phòng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng hoạt động chính của văn phòng Công ty là kinh doanh hàng hóa, nông sản và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Văn phòng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt	161.313.994	23.019.249
Tiền gửi ngân hàng	13.131.163.440	1.752.335.073
Tổng	13.292.477.434	1.775.354.322

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	139.800.000.000	139.800.000.000	8.800.000.000	8.800.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	6.800.000.000	6.800.000.000	8.800.000.000	8.800.000.000
Công ty TNHH dược phẩm T&T (ii)	133.000.000.000	133.000.000.000	-	-
Tổng	139.800.000.000	139.800.000.000	8.800.000.000	8.800.000.000

(i) Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng SHB, lãi suất 5,7%.

(ii) Khoản đầu tư ngắn hạn theo Nghị quyết 18/2021/NQ-HĐQT ngày 20/03/2021 của Hội đồng Quản trị thời gian 12 tháng. Theo nghị quyết số 42B/2021/NQ-HĐQT ngày 06/7/2021 của Hội đồng quản trị về việc thoái toàn bộ vốn góp của Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Tràng Thi tại Công ty TNHH Dược phẩm T&T, Công ty đã bán khoản đầu tư này cho Công ty CP tập đoàn T&T theo hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 08-07/2021/HĐCN ngày 08/07/2021.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THISố 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Mẫu số B 09a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**b. Chứng khoán kinh doanh**

	30/6/2021 (VND)			01/01/2021 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<i>- Tổng giá trị cổ phiếu</i>		(*)			(*)	
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	7.700.000.000	-	-	7.700.000.000	-	-

c. Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết

	30/6/2021 (VND)			01/01/2021 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết	20.967.427.338	(*)	-	20.967.427.338	(*)	-
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Nghĩa Đô	4.304.880.517	-	-	4.304.880.517	-	-
Công ty CP Đầu tư TM Dịch vụ Xuân Thủy	16.662.546.821	-	-	16.662.546.821	-	-
Tổng	20.967.427.338	-	-	20.967.427.338	-	-

(*) Các khoản đầu tư của Công ty chưa niêm yết nên chưa xác định được giá trị hợp lý, Chế độ Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý dựa trên các phương pháp định giá. Giá trị hợp lý có thể khác với giá ghi sổ.

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRĂNG THI**
Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5.3 Phải thu của khách hàng

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	495.131.440.934	1.127.445.861.231
Công ty CP đầu tư XD và TM Tín Phát	-	396.366.817.530
Công ty TNHH Phát triển TM và XNK Châu Thành	87.476.680.379	79.470.787.950
Công ty TNHH ĐT KD và phát triển TM Hoàng Gia Phát	197.821.075.030	315.741.066.300
Công ty TNHH Đầu tư và TM XNK Tân Thành Nam	152.294.121.880	227.503.795.400
Công ty CP Đầu tư SX và KD Thực Phẩm Hà Nội	57.365.737.500	12.230.435.900
Các đối tượng khác	173.826.145	96.132.958.151
Tổng	495.131.440.934	1.127.445.861.231

5.4 Trả trước cho người bán

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	8.574.099.200	470.158.975
Công ty CP TM và XD Nguyễn Ngọc	8.250.000.000	-
Các đối tượng khác	324.099.200	470.158.975
Trả trước cho người bán dài hạn	90.000.000	90.000.000
Công ty Tư vấn Thiết kế kiến trúc xây dựng	90.000.000	90.000.000
Tổng	8.664.099.200	560.158.975

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021.

5.5 Phải thu khác

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
Ngắn hạn	768.129.947.020	-	606.735.407.922	-
Tạm ứng	6.762.626.585	-	2.555.122.406	-
Phải thu khác	761.367.320.435	-	604.180.285.516	-
<i>Công ty CP Sản xuất bao bì và Xuất Nhập Khẩu Hà Nội (1)</i>	<i>176.000.000.000</i>	-	-	-
<i>Công ty CP Xuất nhập khẩu rau quả (2)</i>	<i>200.000.000.000</i>	-	-	-
<i>Công ty CP Đầu tư Hoàn Kiếm (3)</i>	<i>260.876.000.000</i>	-	-	-
<i>Hoàng Trung Phụng</i>	-	-	<i>210.000.000.000</i>	-
<i>Nguyễn Hồng Dũng</i>	-	-	<i>210.627.927.000</i>	-
<i>Trần Nam Trung</i>	-	-	<i>65.585.254.526</i>	-
<i>Trần Quang Huy</i>	-	-	<i>117.000.000.000</i>	-
<i>Đôi tượng khác</i>	<i>124.491.320.435</i>	-	<i>967.103.990</i>	-
Dài hạn	100.000.000	-	100.000.000	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn	100.000.000	-	100.000.000	-
Tổng	768.229.947.020	-	606.835.407.922	-

- (1) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2021/HTKD/TTHI-BB ngày 18/3/2021 với Công ty CP Sản xuất bao bì và Xuất Nhập Khẩu Hà Nội (bên B), theo đó tổng giá trị hợp đồng là: 401.000.000.000 đồng, thời gian hợp tác 6 tháng, bên B là đầu mối quản lý tổng giá trị hợp tác, có trách nhiệm cao nhất bảo toàn và phát triển vốn để thực hiện các hoạt động đầu tư. Lợi nhuận được chia theo tỷ lệ vốn góp sau khi thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.
- (2) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06/2021/HTKD/TTHI-RAU ngày 18/3/2021 với Công ty CP Xuất nhập khẩu rau quả (bên B), theo đó tổng giá trị hợp đồng là: 400.000.000.000 đồng, thời gian hợp tác 6 tháng, bên B là đầu mối quản lý tổng giá trị hợp tác, có trách nhiệm cao nhất bảo toàn và phát triển vốn để thực hiện các hoạt động đầu tư. Lợi nhuận được chia theo tỷ lệ vốn góp sau khi thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.
- (3) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/2021/HTKD/TTHI-HK ngày 18/3/2021 với Công ty CP Đầu tư Hoàn Kiếm (bên B), theo đó tổng giá trị hợp đồng là 460.876.000.000 đồng, thời gian hợp tác 6 tháng, bên B là đầu mối quản lý tổng giá trị hợp tác, có trách nhiệm cao nhất bảo toàn và phát triển vốn để thực hiện các hoạt động đầu tư. Lợi nhuận được chia theo tỷ lệ vốn góp sau khi thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÀNG THI
Số 12-14 phố Tràng Thi, phường Hàng Trống,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5.6 Hàng tồn kho

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng gửi bán	23.409.091	-	23.409.091	-
Tổng	23.409.091	-	23.409.091	-

5.7 Tài sản dở dang dài hạn

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12.679.266.979	12.314.358.093
Dự án 47 Cát Linh	12.679.266.979	12.314.358.093
Tổng	12.679.266.979	12.314.358.093

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRĂNG THISố 12-14 phố Tráng Thi, phường Hàng Trống,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Mẫu số B 09a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5.8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2021	62.887.661.487	9.723.521.317	900.975.740	73.512.158.544
Tăng trong kỳ	226.396.528	-	-	226.396.528
Đầu tư xây dựng	226.396.528	-	-	226.396.528
Số dư tại 30/6/2021	63.114.058.015	9.723.521.317	900.975.740	73.738.555.072
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2021	31.208.276.546	5.601.486.111	900.975.740	37.710.738.397
Tăng trong kỳ	943.994.432	417.918.225	-	1.361.912.657
Khấu hao trong kỳ	943.994.432	417.918.225	-	1.361.912.657
Số dư tại 30/6/2021	32.152.270.978	6.019.404.336	900.975.740	39.072.651.054
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2021	31.679.384.941	4.122.035.206	-	35.801.420.147
Tại 30/6/2021	30.961.787.037	3.704.116.981	-	34.665.904.018

Nguyên giá của Tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/6/2021 là 7.942.995.761 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 1.338.138.957 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5.9 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Tổng
NGUYỄN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2021	16.448.343.936	16.448.343.936
Số dư tại 30/6/2021	16.448.343.936	16.448.343.936
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2021	1.994.452.756	1.994.452.756
Tăng trong kỳ	165.314.574	165.314.574
Khấu hao trong kỳ	165.314.574	165.314.574
Số dư tại 30/6/2021	2.159.767.330	2.159.767.330
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2021	14.453.891.180	14.453.891.180
Tại 30/6/2021	14.288.576.606	14.288.576.606

5.10 Chi phí trả trước

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	44.346.555	63.167.549
Công cụ dụng cụ phân bổ và Chi phí khác	44.346.555	63.167.549
Dài hạn	31.485.460.603	33.076.144.793
Công cụ dụng cụ phân bổ và chi phí khác	457.652.211	630.041.888
Tiền thuê đất	20.250.278.800	20.425.012.209
Lợi thế thương mại	10.777.529.592	12.021.090.696
Tổng	31.529.807.158	33.139.312.342

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5.11 Phải trả người bán

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	172.882.520.232	172.882.520.232	1.724.890.421.776	1.724.890.421.776
Công ty Cổ phần điều Organic Bissau	26.873.951.620	26.873.951.620	168.473.951.620	168.473.951.620
Công ty TNHH KD và DV Thương mại Toàn Phát	66.295.884.520	66.295.884.520	84.853.208.270	84.853.208.270
Công ty TNHH KDTM và PTDV Sơn La	59.644.303.670	59.644.303.670	-	-
Công ty TNHH Phát triển TM và DV Quốc Hưng	19.976.260.236	19.976.260.236	95.311.153.490	95.311.153.490
Các đối tượng khác	92.120.186	92.120.186	1.376.252.108.396	1.376.252.108.396
Tổng	172.882.520.232	172.882.520.232	1.724.890.421.776	1.724.890.421.776

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Số phải nộp		Số đã nộp	
	01/01/2021	trong kỳ	trong kỳ	30/6/2021
Phải nộp	4.057.727.853	9.382.119.664	5.930.316.740	7.509.530.777
Thuế giá trị gia tăng	430.646.415	150.182.712	580.829.127	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	71.277.710	71.277.710	-
Thuế XNK	-	142.555.420	142.555.420	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	494.377.271	1.742.796.994	494.377.271	1.742.796.994
Thuế thu nhập cá nhân	145.352.442	135.832.654	212.969.734	68.215.362
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.987.351.725	7.105.474.174	4.394.307.478	5.698.518.421
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	34.000.000	34.000.000	-
Phải thu	503.428.007	-	-	503.428.007
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	503.428.007	-	-	503.428.007

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5.13 Phải trả khác

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	2.862.161.000	2.859.681.425
Bảo hiểm xã hội	-	(2.479.575)
Các khoản phải trả khác	2.862.161.000	2.862.161.000
Dài hạn	6.058.160.000	6.041.160.000
Nhận ký quỹ ký cược	6.058.160.000	6.041.160.000
Tổng	8.920.321.000	8.900.841.425

5.14 Doanh thu chưa thực hiện

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	150.678.788	641.326.059
Doanh thu nhận trước	150.678.788	641.326.059
Dài hạn	2.771.043.787	2.831.649.847
Doanh thu nhận trước	2.771.043.787	2.831.649.847
Tổng	2.921.722.575	3.472.975.906

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.15 Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2020	135.000.000.000	7.538.642.748	1.092.952.818	9.780.314.984	153.411.910.550
Tăng trong năm	-	-	486.741.141	8.189.777.000	8.676.518.141
Tăng trong năm	-	-	486.741.141	-	486.741.141
Tăng khác (ii)	-	-	-	8.189.777.000	8.189.777.000
Giảm trong năm	-	-	-	10.960.079.864	10.960.079.864
Lỗi trong năm	-	-	-	5.936.597.582	5.936.597.582
Trích lập quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	486.741.141	486.741.141
Trích lập quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-	486.741.141	486.741.141
Chia cổ tức năm 2019	-	-	-	4.050.000.000	4.050.000.000
Số dư tại 31/12/2020	135.000.000.000	7.538.642.748	1.579.693.959	7.010.012.120	151.128.348.827
Số dư tại 01/01/2021	135.000.000.000	7.538.642.748	1.579.693.959	7.010.012.120	151.128.348.827
Tăng trong kỳ	405.000.000.000	810.000.000.000	-	12.787.270.322	1.227.787.270.322
Tăng vốn (i)	405.000.000.000	810.000.000.000	-	-	1.215.000.000.000
Lãi trong kỳ	-	-	-	7.983.912.399	7.983.912.399
Tăng khác (ii)	-	-	-	4.803.357.923	4.803.357.923
Số dư tại 30/6/2021	540.000.000.000	817.538.642.748	1.579.693.959	19.797.282.442	1.378.915.619.149

(i) Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 số 11/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/02/2021 của Đại hội đồng cổ đông, trong kỳ Công ty đã thực hiện chào bán thành công 40.500.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu với giá trị 1.215.000.000.000 đồng.

(ii) Tăng khác trong năm là lợi nhuận các đơn vị trực thuộc nộp về Văn phòng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Vốn góp của cổ đông	540.000.000.000	135.000.000.000
Tổng	540.000.000.000	135.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	135.000.000.000	135.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	405.000.000.000	-
Vốn góp tại cuối kỳ	540.000.000.000	135.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	4.050.000.000

d. Cổ phiếu

	30/6/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	54.000.000	13.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	54.000.000	13.500.000
Cổ phiếu phổ thông	54.000.000	13.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	54.000.000	13.500.000
Cổ phiếu phổ thông	54.000.000	13.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng hóa	564.130.942.748	989.310.754.532
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.561.166.690	6.122.217.702
Tổng	567.692.109.438	995.432.972.234

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Giảm giá hàng bán	461.081.818	39.454.545
Tổng	461.081.818	39.454.545

6.3 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	564.031.059.738	989.134.635.326
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	2.942.395.429	7.000.645.967
Tổng	566.973.455.167	996.135.281.293

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	333.739.526	727.244.424
Cổ tức, lợi nhuận được chia (i)	23.828.602.474	425.880.000
Tổng	24.162.342.000	1.153.124.424

(i) Là khoản lợi nhuận được chia của các hợp đồng hợp tác kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí bán hàng	3.880.069.687	3.130.690.482
Chi phí nhân viên	710.566.425	679.152.153
Chi phí đồ dùng văn phòng	45.840	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	286.738.251	294.590.271
Chi phí thuê nhà, thuê đất	2.790.090.211	2.085.986.632
Chi phí bằng tiền khác	92.628.960	70.961.426
Chi phí quản lý	10.310.954.267	6.904.808.057
Chi phí nhân viên quản lý	3.609.201.743	3.506.933.258
Chi phí đồ dùng văn phòng	37.398.961	38.384.045
Chi phí lợi thế kinh doanh thương mại	1.243.561.104	1.243.561.104
Chi phí khấu hao TSCĐ	92.164.773	205.236.336
Chi phí thuê nhà, thuê đất	4.406.666.243	1.123.327.942
Chi phí bằng tiền khác	921.961.443	787.365.372
Tổng	14.191.023.954	10.035.498.539

6.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lợi nhuận trước thuế	10.024.890.499	(9.715.981.167)
Các khoản tăng thu nhập chịu thuế	180.000.000	194.548.341
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>180.000.000</i>	<i>194.548.341</i>
Thu nhập chịu thuế	-	-
<i>Cổ tức nhận được</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Thu nhập tính thuế	10.204.890.499	(9.521.432.826)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.040.978.100	38.909.668
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng	2.040.978.100	38.909.668

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Từ ngày 27/4/2021, đại dịch COVID-19 tiếp tục bùng phát lần thứ tư tại Việt Nam với những diễn biến phức tạp, khó lường và có những sự không chắc chắn. Trên thế giới, dịch bệnh vẫn đang có những diễn biến xấu và chưa được kiểm soát. Sự không chắc chắn này đặt ra các câu hỏi về sự suy giảm giá trị của một số tài sản nhất định và gây ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Văn phòng Công ty. Do tình hình diễn biến phức tạp nên sự ảnh hưởng của dịch bệnh vẫn chưa được đánh giá đầy đủ. Tuy nhiên, rất có thể đại dịch COVID-19 sẽ tiếp tục ảnh hưởng đáng kể tới doanh thu và kết quả hoạt động trong giai đoạn tiếp theo của Văn phòng Công ty, mức độ cụ thể phụ thuộc vào thời gian kéo dài của dịch bệnh và tình hình kiểm soát của Chính phủ.

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/6/2021.

7.2. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Thiên Hương

Nguyễn Thu Quỳnh

Vũ Trọng Tuấn

